

Số: 1287/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1903/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 418/BC-HĐTĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh tại văn bản số 4679/CV-HĐTĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về rà soát hồ sơ Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8312/BKHĐT-QLQH ngày 06 tháng 10 năm 2023 về rà soát tổng thể hồ sơ trình phê duyệt và dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch thành phố Đà Nẵng bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền thành phố Đà Nẵng với diện tích tự nhiên 1.284,88 km² tại tọa độ 15°55' đến 16°14' vĩ độ Bắc, 107°18' đến 108°20' kinh độ Đông và vùng biển gồm quần đảo Hoàng Sa được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với các chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dựa trên việc khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, tiềm năng, lợi thế, vị trí địa kinh tế, chiến lược quan trọng của thành phố, phát huy hiệu quả kết nối, liên kết vùng.

b) Đổi mới căn bản mô hình tăng trưởng, chú trọng phát triển theo chiều sâu kết hợp với phát triển theo chiều rộng một cách hợp lý; lấy kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và tăng năng suất lao động làm định hướng; lấy phát triển hạ tầng, cải cách hành chính đồng bộ, hiện đại làm nền tảng; lấy giáo dục đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ làm động lực; lấy phát triển văn hóa, xây dựng đô thị văn minh, sinh thái, duy trì các điều kiện tự nhiên và bảo vệ môi trường làm trọng điểm.

c) Xây dựng, phát triển thành phố Đà Nẵng trên cơ sở kết nối chặt chẽ với các cực tăng trưởng, các trung tâm phát triển, các thành phố lớn trong cả nước và khu vực. Phân bổ không gian phát triển hợp lý theo mô hình các cụm liên kết ngành chặt chẽ. Tập trung phát triển kinh tế theo 3 trụ cột: (1) Du lịch gắn với bất động sản nghỉ dưỡng, trung tâm tổ chức sự kiện quốc tế và gắn với yếu tố văn hóa, tạo nên sự độc đáo, khác biệt, tạo thêm giá trị gia tăng cho trụ cột Du lịch; (2) Kinh tế tri thức với 02 mũi nhọn: (i) công nghiệp công nghệ cao gắn với xây

dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp và (ii) công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; (3) Trung tâm dịch vụ chất lượng cao với 02 mũi nhọn: (i) cảng biển, cảng hàng không gắn với dịch vụ logistics và (ii) trung tâm tài chính quốc tế quy mô khu vực.

d) Kết hợp tốt giữa đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, gia tăng mật độ kinh tế trên một diện tích đất và hiệu quả sử dụng kết cấu hạ tầng dùng chung; giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, phát triển văn hóa ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội và gắn với phát triển du lịch trở thành một trong các trụ cột quan trọng, coi việc nâng chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao là nhiệm vụ trung tâm; giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biển đảo.

đ) Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành Thành phố đáng sống; duy trì đa dạng sinh học, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên; đảm bảo tỷ lệ sử dụng đất hợp lý, tận dụng tối đa ưu điểm, lợi thế của từng vùng; ưu tiên lựa chọn công nghệ giảm phát thải các bon nhằm thực hiện cam kết của Việt Nam trong Hội nghị COP 26.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của cả nước; Trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; Thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, khu vực Bắc Tây Nguyên và đạt đẳng cấp khu vực Châu Á; Đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,5-10%/năm và phấn đấu đạt 12%/năm theo tinh thần Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp - thủy sản tăng 2,5-3%; công nghiệp - xây dựng tăng 10-10,5% (công nghiệp tăng 11,5-12%); dịch vụ tăng 9,5-10%. Cơ cấu kinh tế: nông, lâm nghiệp - thủy sản chiếm khoảng 1-2%; công nghiệp - xây dựng khoảng 29-30%; dịch vụ khoảng 61-62%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 8-9%.

+ GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 8.000-8.500 USD.

+ Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp 50-55% trong tăng trưởng kinh tế.

+ Tổng lượt khách cơ sở lưu trú phục vụ tăng 17,5-18%/năm; doanh thu lưu

trú, ăn uống, lữ hành tăng 12,5-13%/năm; cụm ngành logistics chiếm khoảng 10% GRDP; kinh tế số chiếm khoảng 35-40% GRDP, trong đó cụm ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông chiếm khoảng 10-15%.

+ Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 9-11%/năm.

+ Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 11-12%/năm.

- Về xã hội:

+ Tốc độ tăng dân số bình quân đạt 2,9%/năm; trong đó tăng tự nhiên khoảng 1,35-1,4%/năm. Đến năm 2030, dân số thành phố khoảng 1,56 triệu người, tính cả dân số quy đổi khoảng 1,79 triệu người.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 78%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 66%.

+ Duy trì phổ cập mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở; 30-35% trường mầm non và 40% trường phổ thông đạt chuẩn Quốc gia.

+ 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế; đạt trên 20 bác sỹ/10.000 dân; 70 giường bệnh/10.000 dân.

+ Duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của thành phố từ 1-1,5%/năm.

- Về kết cấu hạ tầng, đô thị:

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 90%.

+ Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị đạt 23-26%, trong đó tỷ lệ đất giao thông đô thị (tính đến đường liên khu vực) đạt tối thiểu 9-10%, tỷ lệ đất cho giao thông tĩnh đạt 3-4% diện tích đất xây dựng đô thị. Tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng đạt 10-25% (gồm: xe buýt đô thị, xe buýt kế cận, các phương thức vận tải công cộng và bán công cộng khác).

- Về môi trường:

+ 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt trên 97%; đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%; tỷ lệ chất thải nguy hại thu gom được xử lý theo quy định đạt 100%.

+ 90% nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; 100% khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

+ Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 45-47%.

- Về quốc phòng, an ninh: Phấn đấu 100% xã, phường đạt cơ sở vững mạnh toàn diện. Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tái cơ cấu và xây dựng mô hình tăng trưởng theo hướng chuyển đổi thích nghi và phù hợp với giai đoạn phát triển mới, thu hút nguồn lực, điều chỉnh cơ cấu đầu tư phù hợp, nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, tạo nền tảng nâng cao tính tự chủ và khả năng chống chịu với các tác động từ bên ngoài.

(2) Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp, nhất là công nghiệp công nghệ cao và công nghệ thông tin được định hướng là một trong 3 trụ cột trong thời kỳ mới của nền kinh tế Đà Nẵng.

(3) Phát huy nội lực và lợi thế vị trí địa lý để phát triển các ngành dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ du lịch và dịch vụ vận tải, kho bãi; đến năm 2030, đưa Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm du lịch, vận tải và logistics, cảng biển của cả nước.

(4) Tập trung phát triển Đà Nẵng thành Trung tâm tài chính quốc tế quy mô khu vực, hình thành Khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, phát triển dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông, y tế, giáo dục - đào tạo chất lượng cao.

(5) Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

(6) Quy hoạch phát triển đô thị dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế và nguyên tắc phát triển của một đô thị hiện đại.

(7) Đảm bảo sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nước, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Các khâu đột phá phát triển

(1) Xác định đổi mới sáng tạo, kinh tế tri thức và chuyển đổi số toàn diện là nhân tố đóng góp chủ yếu cho nâng cao chất lượng tăng trưởng.

(2) Phát huy vai trò của các thành phần kinh tế gồm: kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội để tạo đột phá trong xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại.

(3) Nâng cao chất lượng cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm tận dụng và phát huy cơ hội của xu thế phát triển khu vực và quốc tế, sự dịch chuyển các luồng đầu tư, làn sóng đầu tư theo hướng có lợi cho Việt Nam và thành phố; ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng, tạo động lực cho phát triển khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước theo Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị.

(4) Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tối đa nhân tố văn hóa, con người làm nền tảng cho phát triển bền vững.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái, thông minh, bản sắc, bền vững, ngang tầm quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới đô thị khu vực và quốc tế; là Trung tâm du lịch quốc tế gắn với Trung tâm tổ chức sự kiện quốc tế; Trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin; Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; Trung tâm Tài chính quốc tế quy mô khu vực và là thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Du lịch

- Tiếp tục phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là trung tâm du lịch và dịch vụ chất lượng cao, một trong những Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển, sinh thái cao cấp, xanh, thông minh, tổ chức các hội nghị, sự kiện lễ hội mang tầm quốc tế.

- Tập trung phát triển 3 nhóm sản phẩm du lịch đặc trưng, chính và bổ trợ. Phát triển du lịch với tư duy sáng tạo đột phá, kết hợp với ứng dụng công nghệ và gắn với thiên nhiên, văn hóa lịch sử truyền thống.

- Định hướng chất lượng sản phẩm/dịch vụ đạt chuẩn “chất lượng cao” ở tất cả các loại hình; ưu tiên phát triển dòng sản phẩm/dịch vụ cao cấp và siêu sang.

b) Thương mại

- Xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm thương mại lớn với hạ tầng và hệ thống phân phối đồng bộ, hiện đại, là trung tâm phát luồng hàng hóa của khu vực và cả nước. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt bình quân 10-12%/năm.

- Ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử và đẩy mạnh thanh toán trực tuyến; phấn đấu tỷ trọng bán lẻ hàng hóa qua hệ thống phân phối hiện đại đạt tối thiểu 65%.

- Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại liên quan đến du thuyền.

c) Vận tải, logistics

- Phát triển các ngành logistics - vận tải, kho bãi tăng trưởng trên 11%/năm. Phát triển Đà Nẵng trở thành trung tâm logistics, cửa ngõ giao nhận, vận chuyển về đường bộ, đường biển và đường hàng không với các địa phương, quốc gia trên hành lang kinh tế Đông - Tây, trong khu vực ASEAN và quốc tế. Hình thành các trung tâm logistics hạng I, hạng II và các trung tâm logistics chuyên dụng.

- Xã hội hóa các dịch vụ vận tải, vận tải đường thủy và các tuyến vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn. Tăng cường vận tải công cộng kết hợp với kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân.

d) Thông tin - truyền thông

- Hoàn thành cơ bản chuyển đổi số, hình thành thành phố thông minh, thuộc nhóm 03 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số và an toàn thông tin, thương mại điện tử của cả nước; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 10%/năm.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực sản xuất nội dung báo chí, phát thanh, truyền hình, hình thành các nền tảng số trên môi trường mạng, khuyến khích sử dụng chung nền tảng số đa dịch vụ. Hiện đại hóa thiết bị kỹ thuật, số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện của cơ sở truyền thông cấp huyện. Phát triển dịch vụ bưu chính số, nền tảng vận chuyển hàng hóa số, phát triển kinh doanh trên nền tảng thương mại di động (M-commerce).

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử viễn thông trở thành ngành kinh tế chủ đạo với tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm gấp 2-2,5 lần tốc độ tăng trưởng GRDP của thành phố. Hình thành các khu công nghệ thông tin tập trung và chuỗi khu công viên phần mềm, tạo sự liên kết trong nghiên cứu làm chủ công nghệ và sản xuất các sản phẩm công nghệ số. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm; ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm, sản xuất nội dung số, thiết kế, sản xuất vi mạch, cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam có lợi thế cạnh tranh và có tiềm năng xuất khẩu.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số theo tinh thần kết hợp tự cường sáng tạo và hợp tác quốc tế có chọn lọc. Nghiên cứu xây dựng, áp dụng các cơ chế, chính sách thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), thúc đẩy đào tạo, nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế số. Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đề xuất thí điểm Trung tâm nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cấp khu vực tại thành phố. Phát triển các doanh nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số có khả năng dẫn dắt, làm chủ công nghệ, tham gia vào nền kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

- Sử dụng các nền tảng công nghệ số tương tác để người dân tham gia giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia.

đ) Tài chính - ngân hàng

Phát triển Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế quy mô khu vực. Tăng trưởng bình quân của ngành đạt 8,5%/năm. Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính chất lượng. Phát triển các phương tiện, hình thức thanh toán mới, hiện đại, đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt. Phát triển bền vững các sản phẩm, dịch vụ tài chính trên nền tảng ứng dụng công nghệ tự động hóa, kết nối đa chiều và thông minh hóa, đảm bảo an ninh, an toàn.

e) Công nghiệp

Xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ của cả nước. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng giảm dần các ngành sản xuất thâm dụng đất đai, lao động, giá trị gia tăng thấp, hạn chế và tiến tới loại bỏ các ngành sản xuất gây ô nhiễm môi trường; tăng tỷ trọng các ngành, lĩnh vực sản xuất có hàm lượng cao về công nghệ, tri thức, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, cụ thể:

- Phát triển các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao gồm: công nghệ vi điện tử, công nghệ chip và vi mạch bán dẫn, cơ khí chính xác, cơ - điện tử, quang - điện tử và tự động hóa; công nghệ môi trường, công nghệ năng lượng mới; công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano v.v.. trở thành ngành công nghiệp chủ đạo.

- Phát triển các lĩnh vực công nghiệp ưu tiên gồm: công nghiệp ô tô; công nghiệp hàng không; công nghiệp du thuyền; công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo; công nghiệp hóa dược, hóa mỹ phẩm; công nghiệp thực phẩm, đồ uống theo hướng sản xuất, chế biến tinh; công nghiệp thời trang gắn với thiết kế mẫu và các lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo khác có giá trị gia tăng cao. Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt bình quân trên 12%/năm.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó tập trung các lĩnh vực sản xuất, cung ứng cho các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao; tạo điều kiện hình thành và phát triển các cụm liên kết ngành.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Kinh tế biển

- Xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước, đô thị biển quốc tế trên cơ sở phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

- Định hướng phát triển du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, các ngành khai thác, chế biến thủy, hải sản, công nghiệp ven biển và các ngành kinh tế biển mới; sắp xếp và tổ chức hợp lý không gian phát triển ngành kinh tế biển, đô thị biển, sử dụng hiệu quả quỹ đất, mặt nước và không gian biển; liên kết vùng trong phát triển kinh tế biển và phát triển kinh tế biển thích ứng với biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Phân đấu đến năm 2030 đóng góp của các ngành kinh tế thuần biển vào tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) đạt 15%.

b) Nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát triển nông nghiệp đô thị, hữu cơ, sinh thái, bền vững; phát triển các vùng nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; nghiên cứu, xây dựng khu công viên sinh thái nông nghiệp kết hợp phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng lâm nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng rừng, đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, trồng rừng gỗ lớn, khai thác rừng theo hướng công nghiệp. Phát triển du lịch sinh thái và kinh tế dưới tán rừng.

- Phát triển thủy sản trở thành ngành kinh tế hiện đại gắn với bảo vệ an ninh chủ quyền biển đảo. Hình thành Trung tâm nghề cá hiện đại gắn với ngư trường truyền thống Hoàng Sa; đầu tư xây dựng Cảng cá và Chợ Thủy sản đầu mối Thọ Quang thành trung tâm thương mại, dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với phục vụ du lịch.

c) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm khoa học và công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của quốc gia. Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ.

- Xây dựng và triển khai đề án “Đà Nẵng - Thành phố đổi mới sáng tạo”. Xây dựng, phát triển các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoàn chỉnh, tập trung ươm tạo công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp gắn với sản xuất công nghệ cao, công nghệ thông tin và tài chính - ngân hàng.

d) Văn hóa, thể thao

- Xác định văn hóa và bản sắc dân tộc là yếu tố quan trọng. Phát triển văn hóa ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội và gắn với phát triển du lịch, cung cấp cho du khách cơ hội trải nghiệm, tìm hiểu về bản sắc dân tộc độc đáo của Đà Nẵng, đưa hình ảnh thành phố Đà Nẵng văn minh, đậm đà bản sắc dân tộc đến gần hơn với bạn bè quốc tế.

- Xây dựng “nếp sống văn hóa - văn minh đô thị”, phát triển con người Đà Nẵng toàn diện, tuân thủ pháp luật và hội nhập quốc tế. Phấn đấu 100% thiết chế văn hóa, thể thao các cấp được đầu tư hoàn thiện, đạt chuẩn và hoạt động hiệu quả. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, các di tích, danh lam, thắng cảnh; xây dựng sản phẩm văn hóa đặc trưng, tiêu biểu.

- Phát triển công nghiệp văn hóa là một ngành kinh tế có khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần xây dựng và phát triển thương hiệu, quảng bá văn hoá Đà Nẵng, Việt Nam ra thế giới, đưa Đà Nẵng trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật của vùng và tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu.

- Xây dựng sự nghiệp thể dục thể thao thành phố phát triển đa dạng; phát triển thể thao thành tích cao ngày càng chất lượng, hiệu quả.

đ) Giáo dục và đào tạo

Phát triển Đà Nẵng trở thành trung tâm giáo dục và đào tạo chất lượng cao của cả nước và của khu vực ASEAN. Mở rộng mạng lưới, quy mô giáo dục - đào tạo theo hướng đa dạng hóa loại hình; đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ học sinh ngoài công lập đạt: mầm non khoảng 55%, tiểu học khoảng 3%, trung học cơ sở khoảng 3,2%, trung học phổ thông khoảng 14,8%. Thực hiện phân luồng sau trung học cơ sở, huy động ít nhất 30% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung cấp chuyên nghiệp, học nghề..., đảm bảo 100% học sinh hoàn thành chương trình trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông bằng các hình thức đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, tỉ lệ giáo viên các cấp học có trình độ đạt chuẩn trên 95%. Xây dựng mô hình trường đạt chuẩn theo hướng hiện đại hóa, chuẩn hóa của các cấp học, ngành học. Phối hợp có

hiệu quả giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực.

e) Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Xây dựng và phát triển ngành y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe người dân ở tất cả các tuyến. Phát triển Đà Nẵng thành trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe chuyên sâu, là hạt nhân của khu vực và cả nước với các dịch vụ y tế, cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân và du khách, hình thành và phát triển sản phẩm du lịch y tế.

- Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các trạm y tế xã, phường, phát triển mạng lưới bác sĩ gia đình và cộng tác viên, nhân viên y tế khối phố. Phát triển kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học Y Dược chất lượng cao. Kiểm soát hiệu quả các dịch bệnh và hoàn thiện, nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố và tuyến quận, huyện; hiện đại hoá Trung tâm Kiểm nghiệm; hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; xây dựng và phát triển Trung tâm Kiểm nghiệm thực phẩm chuyên sâu.

g) Lao động, việc làm, an sinh xã hội

- Phát triển thị trường lao động toàn diện, bền vững theo hướng hiện đại, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của thành phố, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thị trường lao động đầy đủ, hiện đại, dự báo nguồn nhân lực có chất lượng và độ tin cậy cao.

- Xây dựng thành phố hiện đại, văn minh, an bình và đáng sống; tiếp tục xây dựng thành phố “5 không”, “3 có” và “4 an”; tập trung công tác an sinh xã hội, nâng cao đời sống người dân, đặc biệt là người có công, các đối tượng yếu thế; thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thành phố.

- Huy động các nguồn lực cho chương trình giảm nghèo theo từng giai đoạn, nâng chuẩn nghèo phù hợp với đời sống người dân; có giải pháp khắc phục các chiều thiếu hụt, giảm nghèo bền vững, thực hiện tốt chủ trương “không có ai bị bỏ lại phía sau”.

h) Quốc phòng, an ninh

Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Chủ động phòng ngừa làm thất bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; ổn định tình hình an ninh chính trị trên địa bàn thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo quốc gia.

3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Phân vùng phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội

Các hoạt động kinh tế - xã hội được liên kết trong mối liên hệ hữu cơ trong tổng thể cấu trúc quy hoạch thành phố Đà Nẵng trên cơ sở vùng sinh thái và 03

vùng đặc trưng, kết nối với nhau qua 02 vành đai kinh tế phía Bắc, phía Nam và 04 cụm việc làm, gồm: (1) Cụm Cảng biển và Logistics; (2) Cụm Công nghiệp công nghệ cao; (3) Cụm Đổi mới sáng tạo; (4) Cụm Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng ven mặt nước nằm dọc bờ biển phía Đông và vịnh Đà Nẵng, ven các con sông trong thành phố, kết nối hữu cơ các quận Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn và một phần quận Cẩm Lệ; vùng ven biển kết nối đường bờ biển dài từ Thừa Thiên Huế tới Quảng Nam. Tổ chức thành 04 tiểu vùng gắn với cụm việc làm Cảng biển và logistics, gồm: (1) Trung tâm hành chính, thương mại - dịch vụ; (2) Sân bay và khu vực logistics trung tâm; (3) Khu vực phát triển hỗn hợp kết hợp kinh doanh với du lịch dọc theo Bờ Đông và Vịnh Đà Nẵng; (4) Khu vực hàng hải và logistics phía Bắc Vịnh Đà Nẵng.

- Vùng lõi xanh nằm giữa thành phố, kết nối hữu cơ các quận Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ và một phần huyện Hòa Vang. Tổ chức thành 03 tiểu vùng gắn với cụm việc làm Cụm Công nghiệp công nghệ cao và Đổi mới sáng tạo, gồm: (5) Vùng lõi xanh nằm ở những ngọn đồi ở trung tâm thành phố; (6) Các khu công nghiệp và khu công nghệ cao tại khu vực Tây Bắc thành phố, gắn với cảng biển và logistic; (7) Khu các Trường đại học và sử dụng hỗn hợp.

- Vùng sườn đồi là không gian mở rộng lớn ven sườn các đồi núi phía Tây, kết nối hữu cơ giữa các khu vực thuộc huyện Hòa Vang và kết nối với các quận khác. Tổ chức thành 03 tiểu vùng gắn với cụm việc làm Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gồm: (8) Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở phía Tây Nam thành phố; (9) Khu dự trữ phát triển phía Nam thành phố.

- Vùng sinh thái gồm khu vực rừng, núi và đồi phía Tây, bán đảo Sơn Trà, huyện Hoàng Sa và các sông, hồ cùng với đường bờ biển dài trong vùng sinh thái. Tổ chức thành 03 tiểu vùng gắn với các vùng du lịch sinh thái và phát triển lâm nghiệp: (10) Các khu du lịch sinh thái phía bắc Cảng Liên Chiểu; (11) Các khu du lịch sinh thái khu vực miền núi phía Tây; (12) Vùng rừng (cây xanh tự nhiên) thuộc khu bảo tồn Sơn Trà và vùng rừng sinh thái phía Tây.

Ngoài ra, định hướng phát triển các khu dân cư phân bố trên địa bàn thành phố với các bản sắc độc đáo của ba vùng đặc trưng và phát triển toàn thành phố Đà Nẵng trở thành một điểm du lịch lớn.

b) Các cực, trung tâm phát triển kinh tế - xã hội

(1) Trung tâm thành phố: bao gồm trung tâm đô thị hiện hữu tập trung chủ yếu tại các quận Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, nhất là khu trung tâm mới sau khi tái thiết đô thị tại Khu công nghiệp Đà Nẵng.

(2) Trung tâm công nghiệp công nghệ cao: bao gồm Khu công nghệ cao Đà Nẵng, Khu công nghệ thông tin tập trung (giai đoạn 1, giai đoạn 2) trên địa bàn xã Hòa Liên và Hòa Ninh, huyện Hòa Vang.

(3) Trung tâm cảng biển và dịch vụ logistics: tập trung phía Tây Bắc Vịnh Đà Nẵng gắn với cảng Liên Chiểu và Ga Trung tâm logistics đường sắt; khu

logistics và ga hàng hóa phía Tây sân bay gắn với Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng; các khu logistics phía Tây đường tránh Nam Hải Vân tại quận Liên Chiểu, huyện Hòa Vang. Nghiên cứu phát triển thêm một khu vực logistics ở gần Cảng Liên Chiểu để đáp ứng nhu cầu Cảng biển trong tương lai.

(4) Trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng biển tại các khu vực ven biển quận Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà, Liên Chiểu và trung tâm du lịch vui chơi giải trí phức hợp và kinh tế đêm tại Hải Châu, Thanh Khê.

(5) Trung tâm dịch vụ đào tạo và nghiên cứu: tập trung ở phía Đông Nam thành phố với các Khu đô thị đại học, Trung tâm đổi mới sáng tạo, Công viên phần mềm cùng với các bệnh viện quốc tế, Khu Liên hợp thể thao.

(6) Trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ logistics nông sản tại khu vực phía Tây Nam huyện Hòa Vang.

(7) Các khu du lịch sinh thái núi gồm: Quần thể Khu đô thị du lịch Bà Nà - Suối Mơ (khu vực chân núi Bà Nà), Khu vực Hồ Đồng Xanh - Đồng Nghệ, Khu du lịch thể thao, nghỉ dưỡng Hồ Hóc Khê, Khu du lịch Khe Rằm, Khu du lịch sông Nam, sông Bắc, các khu, cụm du lịch phía Tây Nam dọc tuyến Quốc lộ 14G (Công viên suối khoáng nóng Núi Thần Tài, Khu du lịch suối Hoa...)... thuộc huyện Hòa Vang; Khu du lịch nghỉ dưỡng và giải trí tổng hợp Làng Vân, Khu du lịch sinh thái suối Lương, các khu du lịch phía Đông, phía Tây Nam tuyến đường đèo Hải Vân, Khu du lịch sinh thái đồi Chim Chim, Khu du lịch phía Tây đường tránh Hải Vân, quận Liên Chiểu; khu vực sinh thái nghỉ dưỡng phía Đông tại bán đảo Sơn Trà và huyện Hoàng Sa.

c) Các vành đai phát triển kinh tế - xã hội

- Hình thành 02 vành đai kinh tế trên cơ sở kết nối 04 cụm việc làm nhằm tạo ra các cơ hội liên kết phát triển kinh tế - xã hội của Đà Nẵng, gồm:

+ Vành đai kinh tế phía Bắc - Vành đai Công nghiệp công nghệ cao và Cảng biển - Logistics: kết nối từ Cụm cảng biển và Logistics thuộc quận Liên Chiểu tới cụm công nghiệp công nghệ cao thuộc huyện Hòa Vang,

+ Vành đai kinh tế phía Nam - Vành đai Đổi mới sáng tạo và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: kết nối từ Cụm đổi mới sáng tạo thuộc quận Cẩm Lệ, quận Ngũ Hành Sơn và huyện Hòa Vang tới cụm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc huyện Hòa Vang.

d) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính

Giai đoạn 2023-2025 có 16 đơn vị hành chính cấp xã (16 phường) thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính, gồm các phường: Thạch Thang, Hải Châu I, Hải Châu II, Nam Dương, Phước Ninh, Bình Hiên, Bình Thuận thuộc quận Hải Châu; các phường: Tam Thuận, Thanh Khê Đông, Xuân Hà, Tân Chính, Chính Gián, Vĩnh Trung, Thạch Gián, Hòa Khê thuộc quận Thanh Khê; phường An Hải Đông thuộc quận Sơn Trà. Trong đó, phường Thạch Thang có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh, nằm ở vị trí trung tâm của quận Hải Châu, tập trung nhiều cơ

quan hành chính; có yếu tố lịch sử, văn hóa, có di tích quốc gia đặc biệt, thuộc trường hợp đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét không sắp xếp. Dự kiến sắp xếp 15 phường, gồm các phường: Hải Châu I, Hải Châu II, Nam Dương, Phước Ninh, Bình Hiên, Bình Thuận thuộc quận Hải Châu; các phường: Tam Thuận, Thanh Khê Đông, Xuân Hà, Tân Chính, Chính Gián, Vĩnh Trung, Thạch Gián, Hòa Khê thuộc quận Thanh Khê; phường An Hải Đông thuộc quận Sơn Trà.

Giai đoạn 2026-2030: Thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% tiêu chuẩn quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định.

Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn 2026-2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Định hướng phát triển không gian đô thị

- Toàn thành phố được tổ chức theo 03 vùng đô thị đặc trưng và vùng sinh thái với 12 phân khu gồm: (1) Phân khu Ven sông Hàn và Bờ Đông: diện tích khoảng 6.644 ha; (2) Phân khu Ven vịnh Đà Nẵng: diện tích khoảng 1.530 ha; (3) Phân khu Cảng biển Liên Chiểu: diện tích khoảng 1.285 ha; (4) Phân khu Công nghệ cao: diện tích khoảng 5.585 ha; (5) Phân khu Trung tâm lõi xanh: diện tích khoảng 4.775 ha; (6) Phân khu Đồi mới sáng tạo: diện tích khoảng 3.903 ha; (7) Phân khu Sân bay: diện tích khoảng 1.327 ha; (8) Phân khu đô thị Sườn đồi: diện tích khoảng 2.729 ha; (9) Phân khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: diện tích khoảng 2.986 ha; (10) Phân khu Dự trữ phát triển: diện tích khoảng 5.858 ha; (11) Phân khu sinh thái phía Tây: diện tích khoảng 57.692 ha; (12) Phân khu sinh thái phía Đông: bao gồm huyện Hoàng Sa và bán đảo Sơn Trà diện tích khoảng 4.232 ha.

- Điều chỉnh cấu trúc đô thị đơn tâm (Thanh Khê và Hải Châu) thành phát triển đa cực. Phát triển toàn thành phố Đà Nẵng trở thành một điểm du lịch lớn.

2. Phương án tổ chức hệ thống đô thị

Thời kỳ 2021-2030, hệ thống đô thị thành phố bao gồm khu vực đô thị trung tâm (6 quận hiện hữu) và xem xét điều chỉnh địa giới hành chính phù hợp, đảm bảo đáp ứng các tiêu chí về mật độ dân số, mật độ xây dựng, các chỉ tiêu phát triển đô thị theo quy định và tuân thủ các quy hoạch đã được phê duyệt. Phân đầu xây dựng

huyện Hòa Vang phát triển đạt tiêu chí đô thị loại IV, 80% xã đủ điều kiện trở thành phường và đủ điều kiện thành lập Thị xã trong thời gian sớm nhất. Đến năm 2030, thị xã Hòa Vang có dân số khoảng 430.000 người, trong đó dân số thường trú khoảng 380.000 người, tỷ lệ đô thị hóa trên 90%, trung tâm hành chính của Thị xã dự kiến đặt tại xã Hoà Phong. Huyện đảo Hoàng Sa là đơn vị hành chính đặc thù ở hải đảo.

3. Định hướng phát triển khu vực trung tâm

- Khu đô thị hiện hữu gồm 06 quận nội đô (Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Sơn Trà, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn và xem xét điều chỉnh địa giới hành chính phù hợp): Định hướng tái phát triển theo mô hình đô thị nén, giảm mật độ xây dựng đối với khu vực lõi đô thị trung tâm hiện hữu, nâng cao hệ số sử dụng đất, bổ sung các tiện ích đô thị và tích hợp với hệ thống giao thông công cộng. Hình thành các công trình kiến trúc mang phong cách hiện đại, ưu tiên phát triển các không gian, công trình, dịch vụ công cộng, tạo sức hấp dẫn về một khu trung tâm kinh doanh thương mại (Central Business District - CBD) hiện đại, chất lượng sống cao, thân thiện và đáng sống. Kiểm soát hành lang ven biển; thực hiện các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Các khu vực đô thị hiện hữu có mật độ dân số thấp hơn khu vực lõi sẽ phát triển với mật độ dân số cao hơn, mật độ xây dựng phù hợp quy chuẩn, hình thành các không gian xanh công cộng, các không gian mở trong các khu dân cư, xây dựng hệ thống giao thông tích hợp với mạng lưới giao thông công cộng chung toàn thành phố.

- Khu vực phát triển đô thị mới: phát triển về phía Tây, Tây Bắc thành phố. Đến năm 2030, khu vực đô thị hoá được xác định tại 9 xã của huyện Hoà Vang bao gồm: Hòa Khương, Hòa Phước, Hòa Châu, Hòa Tiến, Hòa Phong, Hòa Nhơn, Hòa Liên, Hòa Sơn và một phần xã Hòa Ninh; tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 90%.

- Định hướng phát triển không gian ngầm khu vực trung tâm: xây dựng hệ thống không gian ngầm tại các công trình công cộng, dịch vụ, nhà cao tầng, các nút giao thông trọng điểm, các khu vực nhà ga, tuyến đường sắt đô thị, kết nối với bãi đỗ xe và hầm giao thông ngầm để tạo thành một không gian ngầm hoàn chỉnh, đa năng.

4. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phương án phân bố hệ thống điểm dân cư

a) Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Khu vực nông thôn thành phố Đà Nẵng tập trung tại huyện Hoà Vang, được định hướng cụ thể trong phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện.

b) Định hướng phát triển mô hình khu, điểm dân cư nông thôn theo tuyến liên kết các cụm, điểm dân cư. Trên cơ sở dân cư phân tán theo tuyến hiện trạng, dân cư mới hình thành tập trung tại 02 khu vực trọng điểm phía Bắc (tại xã Hòa Liên) và phía Nam (tại xã Hòa Phong) để đảm bảo hiệu quả về sử dụng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, tạo dư địa phát triển trong tương lai. Các trung tâm xã bố trí

tại các khu vực nút dân cư tập trung cao có liên kết giao thông thuận lợi, tạo thành các vệ tinh quanh khu vực trọng điểm vùng.

5. Phương án phát triển các khu chức năng

a) Các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin và các cụm công nghiệp

- Các khu công nghiệp

+ Chuyển đổi Khu công nghiệp Đà Nẵng thành Khu phố tài chính quốc tế An Đồn, hình thành đô thị hiện đại, trở thành trung tâm kinh tế mới của thành phố. Chuyển đổi Khu công nghiệp Hòa Khánh đáp ứng tiêu chí mô hình khu công nghiệp sinh thái.

+ Hình thành mới các khu công nghiệp: Hòa Cầm giai đoạn 2, Hòa Nhơn và Hòa Ninh. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp theo hướng công nghiệp chuyên sâu, hình thành các cụm liên kết công nghiệp với các khu công nghiệp hiện hữu.

+ Ưu tiên đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm giai đoạn 2 và Khu công nghiệp Hòa Ninh để đáp ứng nhu cầu hạ tầng công nghiệp. Nghiên cứu quy hoạch bổ sung Khu công nghiệp Hòa Vang để bố trí di dời các dự án công nghiệp tại Khu công nghiệp Liên Chiểu trong trường hợp chuyển đổi để phát triển dịch vụ logistics phục vụ cảng Liên Chiểu.

(Chi tiết theo Phụ lục I)

- Khu công nghệ cao

Sớm đưa các khu chức năng của Khu Công nghệ cao vào hoạt động trước năm 2025. Điều chỉnh, mở rộng Khu Công nghệ cao Đà Nẵng khi được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đảm bảo các điều kiện theo quy định, trở thành khu đô thị sáng tạo - khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế. Kết nối Khu Công nghệ cao và các khu, cụm công nghiệp để hình thành các khu, cụm công nghiệp vệ tinh, liên kết hỗ trợ sản xuất với Khu Công nghệ cao.

(Chi tiết theo Phụ lục I)

- Các khu công nghệ thông tin tập trung

Sớm hoàn thành thủ tục đầu tư và triển khai xây dựng, đưa vào hoạt động Khu Công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1); hoàn thiện khu Công nghệ thông tin tập trung, Dự án Không gian đổi mới sáng tạo tại phường Hoà Xuân, Khu Công nghệ thông tin DanangBay, Tòa nhà Viettel Đà Nẵng, Trung tâm chia chọn tự động và kho bãi. Phát triển các Khu công viên phần mềm do các nhà mạng Viễn thông - công nghệ thông tin làm chủ đầu tư.

(Chi tiết theo Phụ lục II)

- Các cụm công nghiệp

+ Các cụm công nghiệp, làng nghề hiện hữu:

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng sang phát triển các lĩnh vực khác. Di dời hoạt động sản xuất thô tại Làng nghề

truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước Ngũ Hành Sơn vào khu/cụm công nghiệp phù hợp. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và phát triển Làng nghề đá chế Hòa Sơn.

Các làng nghề tiêu thủ công nghiệp khác: Phát triển trên cơ sở khai thác lợi thế về sinh thái, bảo vệ môi trường; đầu tư chiều sâu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng, mẫu mã; gắn hoạt động kinh tế của làng nghề với hoạt động du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống.

+ Các cụm công nghiệp thành lập mới:

Triển khai đầu tư xây dựng và sớm đưa vào hoạt động các cụm công nghiệp: Cẩm Lệ, Hòa Nhơn, Hòa Khánh Nam.

Đưa Khu công nghiệp hỗ trợ Khu công nghệ cao (Khu phụ trợ phục vụ Khu công nghệ cao Đà Nẵng) ra khỏi quy hoạch các khu công nghiệp cả nước để hình thành Cụm công nghiệp Hòa Liên (gần Khu Công nghệ cao).

Nghiên cứu hình thành Cụm công nghiệp Sơn Trà. Bổ sung quy hoạch các cụm công nghiệp mới trên địa bàn huyện Hòa Vang và quận Liên Chiểu, bố trí di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu dân cư.

Nghiên cứu hình thành một số cụm công nghiệp có diện tích phù hợp tại các mỏ khoáng sản sau khi đóng cửa trên địa bàn thành phố, đảm bảo điều kiện về địa chất, địa hình, hạ tầng và bảo vệ môi trường.

(Chi tiết theo Phụ lục III)

b) Các khu du lịch

- Phát triển các loại hình cơ sở lưu trú du lịch phù hợp với đặc thù từng không gian du lịch. Trong đó, định hướng phát triển cơ sở lưu trú du lịch cao cấp (có bao gồm loại hình tàu thủy lưu trú du lịch), thiết kế sáng tạo, độc đáo, khác biệt, thân thiện môi trường.

- Phát triển Khu du lịch Sơn Trà và Nam Bán đảo Sơn Trà, Khu đô thị du lịch Bà Nà - Suối Mơ (khu vực chân núi Bà Nà) thành khu du lịch đẳng cấp quốc tế; các điểm du lịch văn hóa - lịch sử; khu, điểm tham quan, du lịch vui chơi giải trí hiện đại và đặc sắc; khu, điểm du lịch sáng tạo. Quy hoạch hạ tầng phục vụ tuyến tham quan, du lịch biển trên tuyến hàng hải quốc tế gắn với điểm du lịch biển đảo Hoàng Sa.

- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng để đưa các khu vực trung tâm thành phố thành điểm đến hấp dẫn du khách. Phát triển du lịch thủy nội địa, đầu tư các bến thủy nội địa, công viên công cộng dọc ven sông và tàu thuyền khai thác du lịch mặt nước dọc sông Hàn và sông Cổ Cò.

- Phát triển các mô hình du lịch cộng đồng, sinh thái tại các khu vực vùng núi huyện Hòa Vang, khu vực suối Lương, quận Liên Chiểu.

c) Các khu nghiên cứu, đào tạo

Định hướng tổ chức sắp xếp không gian phát triển ngành giáo dục đảm bảo mục tiêu cơ bản là ở đâu có dân cư, ở đó có trẻ em và phải có trường học,

đáp ứng cho 100% trẻ em ở độ tuổi đến trường với bán kính phục vụ phù hợp với quy định.

- Đối với các khu đô thị hiện hữu: Nâng cao hệ số sử dụng đất kết hợp mở rộng diện tích đất cho giáo dục.

- Đối với khu vực phát triển mới: Phân bố cơ sở giáo dục đảm bảo bán kính phù hợp cho từng cấp học theo quy định và đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô dân số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Mở rộng các trường đại học, cao đẳng, trung tâm nghiên cứu đào tạo hiện có, tập trung ở phía Nam Đà Nẵng tạo thành khu đô thị Đại học mới tại quận Ngũ Hành Sơn (thành phố Đà Nẵng) và thị xã Điện Bàn (tỉnh Quảng Nam) trở thành một trong 3 trung tâm đào tạo đại học trọng điểm quốc gia, ngang tầm khu vực và quốc tế.

- Hình thành các cơ sở đào tạo, dạy nghề, viện nghiên cứu chuyên ngành cho Phân khu công nghệ cao Đà Nẵng để đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động chuyên dụng phục vụ cho các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, du lịch, cảng biển, logistics, dịch vụ chất lượng cao như: công nghệ vi điện tử, công nghệ nano, bán dẫn, vi mạch, ứng dụng FPGA, trí tuệ nhân tạo, tài chính ngân hàng, y tế, giáo dục... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và của vùng.

d) Các khu thể dục thể thao

- Tiếp tục đầu tư, kêu gọi đầu tư xây dựng hoàn thiện Khu liên hợp Thể dục thể thao Hòa Xuân, Trường đua ngựa, câu lạc bộ thể thao biển v.v.. Phát triển các không gian giải trí và thể thao cấp thành phố, các trung tâm thể thao cấp quận, huyện; xây dựng các Khu thể dục thể thao đa năng cấp quận, huyện.

- Đầu tư xây dựng các Khu liên hợp thể thao đa năng như: Nhà thi đấu thể thao, Phòng thể thao đa năng, Sân vận động trong nhà. Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình thể thao công cộng ở tổ dân phố, khu dân cư, các phường, xã... tạo thành mạng lưới cơ sở hạ tầng thể dục thể thao thuận tiện cho việc tập luyện của người dân.

- Duy trì các sân golf hiện có và quy hoạch các dự án sân golf mới kết hợp du lịch tại các vị trí có tiềm năng khi đảm bảo các điều kiện theo quy định về pháp luật có liên quan, gồm: Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hồ Hòa Trung; Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Liên - Hòa Bắc; Khu phức hợp khách sạn, sân golf Hòa Phong - Hòa Phú; Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Phú - Hòa Nhơn (cuối tuyến Bà Nà - Suối Mơ).

(Chi tiết theo Phụ lục IV)

đ) Các khu bảo tồn

- Tiếp tục bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng của thành phố như: Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa, Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, Khu bảo vệ cảnh quan Nam Hải Vân...; các hệ sinh thái san hô, thảm cỏ biển, các khu vực đất ngập nước...

- Trùng tu, bảo tồn phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử và danh lam thắng cảnh phục vụ cho phát triển kinh tế du lịch dịch vụ đem lại hiệu quả kinh tế cao đồng thời vẫn bảo tồn những giá trị văn hóa lâu đời và danh lam thắng cảnh.

e) Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Hình thành, đưa vào hoạt động các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao tại các xã: Hòa Phong, Hòa Khương, Hòa Phú, Hòa Nhơn với phân khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao được xác định tại khu vực phía Tây Nam thành phố, dọc theo tuyến Vành đai phía Tây (gồm: Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Khương, Hòa Nhơn).

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng Cảng cá Thọ Quang và khu neo đậu tránh trú bão tại Âu thuyền Thọ Quang, đầu tư xây dựng các hạ tầng để phục vụ khai thác ngư trường Hoàng Sa.

- Phát triển lâm nghiệp tập trung chủ yếu ở địa bàn huyện Hòa Vang. Phát triển lâm nghiệp, trồng cây gỗ lớn và kết hợp phát triển du lịch dưới tán rừng tại khu vực Bà Nà, bán đảo Sơn Trà.

g) Khu vực khó khăn

Xác định xã Hòa Bắc là khu vực khó khăn của thành phố. Phấn đấu hàng năm giảm 30-40%/tổng số hộ nghèo còn sức lao động theo chuẩn nghèo đa chiều từng giai đoạn. Tập trung quản lý, bảo vệ rừng và nguồn nước; phát triển kinh tế rừng, kinh tế nông nghiệp. Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và có bản sắc riêng; nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị xã hội. Đến năm 2025, xây dựng Hòa Bắc trở thành điểm du lịch sinh thái cộng đồng, nông nghiệp kết hợp với phát triển du lịch. Đến năm 2030, phát triển Hòa Bắc trở thành xã có cơ sở hạ tầng đồng bộ, đạt chuẩn đô thị loại V; là điểm du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng chất lượng cao của huyện và thành phố.

h) Các khu vực có vai trò động lực

- Khu vực động lực số 1 - đô thị lõi: gồm Khu trung tâm đô thị Lịch sử thuộc quận Hải Châu (CBD1), khuyến khích phát triển hình thức sử dụng đất hỗn hợp, đất đơn vị ở kết hợp thương mại dịch vụ nhằm tạo môi trường phù hợp cho cả sinh sống, làm việc và sẽ trở thành trung tâm thương mại sầm uất; và khu vực nội đô thuộc quận Sơn Trà, quận phía đông cầu sông Hàn (CBD2)

- Khu vực động lực số 2: Khu vực nội đô thuộc quận Thanh Khê và Liên Chiểu dọc theo vịnh Đà Nẵng, tập trung phát triển du lịch, vui chơi giải trí biển ven Vịnh Đà Nẵng. Khuyến khích hình thành một CBD mới tại khu vực trung tâm Vịnh gắn với trục thương mại dịch vụ trên (khu vực đô thị nén).

- Khu vực động lực số 3: Khu đô thị sáng tạo ở khu vực Phía Nam, gồm một phần quận Ngũ Hành Sơn (phường Hòa Quý) và quận Cẩm Lệ, tập trung phát triển các dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục - thể thao chất lượng cao.

- Khu vực động lực số 4: Trung tâm hành chính huyện Hòa Vang, tiêu trung tâm kinh tế đa ngành, kết nối tỉnh Quảng Nam và Tây Nguyên với thành

phố Đà Nẵng. Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ logistics nông sản. Mở rộng không gian đô thị về phía Tây Bắc kết nối các khu công nghiệp, công nghệ cao với các khu ở mới.

- Khu vực động lực số 5: Tổ hợp đô thị - công nghiệp công nghệ cao, định hướng giai đoạn đầu năm 2030 sẽ hình thành cụm liên hợp gồm: Trung tâm hội chợ triển lãm miền Trung, thương mại (outlet) gắn với du lịch; Trung tâm dịch vụ logistics cấp vùng.

- Khu vực động lực số 6: Tổ hợp đô thị cảng biển Liên Chiểu, trung tâm dịch vụ logistics gắn với cảng Liên Chiểu.

i) Khu quân sự, an ninh

- Bố trí các khu vực quốc phòng, an ninh bảo đảm nguyên tắc giữ vững thế trận phòng thủ, bảo vệ được các địa hình, các công trình phòng thủ có giá trị, sẵn sàng triển khai lực lượng khi có tình huống tác chiến; đồng thời đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư nguồn lực xây dựng các công trình phòng thủ cấp thành phố, quận, huyện, các địa bàn trọng điểm sẵn sàng động viên quốc phòng; xây dựng các khu dân cư và hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng bảo vệ biên giới, biển, đảo.

- Quy hoạch bố trí, đầu tư, nâng cấp cải tạo, mở rộng các công trình, cơ quan, trụ sở của các lực lượng Công an cấp thành phố, quận, huyện, phường, xã và những vị trí trọng yếu, thuận lợi trong công tác đảm bảo an ninh trật tự như: sân bay, bến cảng, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp,... Bố trí đảm bảo mỗi quận, huyện đều có trụ sở của lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ với bán kính phục vụ tối đa 3 km đối với khu vực trung tâm đô thị và 5 km đối với các khu vực khác.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

a) Đường bộ

- Xây dựng tuyến cao tốc Đà Nẵng - Thanh Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y kết nối với đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Nâng cấp đường cao tốc La Sơn - Túy Loan; Quốc Lộ 14B đoạn qua địa phận Đà Nẵng (dài khoảng 8 km) đạt quy mô đường trục chính đô thị 6 làn xe; Quốc lộ 14G đoạn qua địa phận Đà Nẵng (dài khoảng 25 km) đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, 02 làn xe; đường tránh Nam Hải Vân (đoạn Hòa Liên - Hải Vân và Hòa Liên - Túy Loan). Xây dựng các nút giao thông khác mức kết nối các tuyến đường quốc gia vào hệ thống giao thông đô thị.

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.1)

- Mạng lưới đường đô thị:

+ Xây dựng tuyến đường Vành đai phía Tây 1 nằm giữa đường Vành đai phía Tây và đường bộ cao tốc; nghiên cứu quy hoạch và xây dựng hầm chui xuyên qua sân bay kết nối phía Đông và phía Tây; bổ sung các tuyến đường mới kết nối từ cảng Liên Chiểu đến đường tránh Nam hầm Hải Vân - Túy Loan,

tuyến đường từ đường Vành đai phía Tây đến cao tốc La Sơn - Túy Loan (phía sau Khu công nghệ cao), kết nối đường Nguyễn Sinh Sắc đến đường Hoàng Văn Thái nối dài, từ Khu công nghiệp Hòa Khánh đến ga đường sắt mới để tạo thành trục chính kết nối Đông - Tây.

+ Xây dựng tuyến đường Lê Duẩn kết nối với đường Đống Đa; tuyến đường Hoàng Hoa Thám thông ra đường Nguyễn Tất Thành; xây dựng công trình qua sông Hàn kết nối từ khu vực đường Đống Đa - Trần Phú sang đường Vân Đồn - Trần Hưng Đạo, tuyến đường Nguyễn Sinh Sắc nối dài thông tuyến đường Hoàng Văn Thái, Vành đai phía Tây II và đường tránh Nam Hải Vân; đồng thời tính toán các giải pháp kết nối Cảng biển và Ga Kim Liên...

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.2)

+ Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các nút giao thông: Tổ chức giao cắt khác mức đối với các nút giao giữa các tuyến đường bộ với đường sắt quốc gia quy hoạch.

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.3)

- Giao thông công cộng:

+ Tiếp tục mở rộng mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhằm tăng mật độ bao phủ tuyến, tăng cường kết nối với các phương thức vận tải khác; khuyến khích phương tiện thân thiện môi trường như: xe buýt điện, CNG, LPG...

+ Đường sắt đô thị: Xây dựng 02 tuyến MRT, 11 tuyến LRT, 03 tuyến LRT du lịch hoặc phương thức khác tương đương năng lực và tốc độ vận chuyển. Một số tuyến LRT sẽ tận dụng, mở rộng quỹ đất đường ray có sẵn của nhánh đường sắt quốc gia Bắc - Nam (sau khi di dời Ga đường sắt hiện trạng ra khỏi trung tâm thành phố) để xây dựng, đồng thời kết hợp tái phát triển đô thị dọc trục hành lang tuyến LRT theo định hướng TOD.

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.4)

+ Xây dựng tuyến giao thông công cộng (đường sắt đô thị hoặc phương thức tương đương khác) kết nối giữa thành phố Đà Nẵng với thành phố Hội An (tỉnh Quảng Nam) và thị trấn Lăng Cô (tỉnh Thừa Thiên - Huế).

- Phát triển loại hình giao thông phi cơ giới. Hình thành các tuyến đường dành riêng cho xe đạp để khai thác du lịch trải nghiệm thành phố.

- Giao thông tĩnh và công trình đầu mối (bến xe):

+ Xây dựng mới Bến xe phía Bắc tại phía Bắc nút giao đường tránh Nam Hải Vân và đường Vành đai phía Tây 2; bến xe phía Tây tại khu vực nhà máy xi măng Hòa Khương (sau khi di dời), huyện Hòa Vang. Cải tạo, nâng cấp Bến xe phía Nam; chuyển đổi Bến xe trung tâm thành đầu mối giao thông công cộng.

+ Xây dựng các bãi đỗ xe, điểm đỗ xe công cộng, bãi đỗ xe trung chuyển đảm bảo diện tích đất cho giao thông tĩnh đạt 3-4% diện tích đất xây dựng đô thị. Khuyến khích khai thác không gian ngầm làm bãi đỗ xe kết hợp thương mại dịch vụ.

+ Bố trí sẵn quỹ đất (ngầm/nổi) phù hợp cho các vị trí ga đầu cuối, ga trung chuyển (ngầm/nổi/trên cao), depot của các tuyến vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn MRT và LRT. Định hướng phát triển các ga này theo mô hình TOD (Transit-Oriented Development), kết nối đồng bộ với các loại hình vận tải hành khách công cộng khác (xe buýt, xe đạp công cộng, taxi, ...) kết hợp quy hoạch phát triển thương mại dịch vụ tập trung. Các trạm trung chuyển chính bao gồm: Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Ga Đà Nẵng hiện trạng, Ga Đà Nẵng mới theo quy hoạch, Công viên 29/3, Cảng Sông Hàn...

(Chi tiết theo Phụ lục V, Bảng 5.5)

b) Đường sắt

- Xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao và đường sắt thường quốc gia đi cùng hành lang, chạy song song đường bộ cao tốc về phía Đông; quy hoạch tuyến đường sắt Đà Nẵng - Kon Tum kết nối với tuyến đường sắt quốc gia Bắc - Nam tại Ga Đà Nẵng mới sau năm 2030.

- Di dời ga Đà Nẵng, xây dựng nhà ga đường sắt mới tại khu vực phía Bắc nút giao giữa đường Bà Nà - Suối Mơ với đường bộ cao tốc thuộc khu vực xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang. Tái phát triển khu vực Ga Đà Nẵng hiện trạng thành đầu mối trung chuyển vận tải hành khách công cộng chính kết hợp phát triển thương mại, dịch vụ theo định hướng phát triển TOD và CBD.

- Xây dựng Ga Trung tâm logistics đường sắt tại khu vực xã Hòa Liên, gần nút giao cắt của đường sắt quốc gia, đường bộ quốc gia và đường vành đai thành phố; quy hoạch các tuyến đường sắt chuyên dùng kết nối giữa Đường sắt quốc gia, Ga Trung tâm logistics đường sắt với Cảng biển Liên Chiểu và các đầu mối có nhu cầu thu gom, vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt.

c) Đường hàng không

- Đến năm 2030: Nâng cấp, mở rộng khu hàng không dân dụng, sân đỗ máy bay để nâng công suất lên khoảng 25 triệu hành khách/năm và là trung tâm logistics chuyên dụng hàng không.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Tiếp tục mở rộng khu hàng không dân dụng, sân đỗ máy bay để nâng công suất lên 30 triệu hành khách/năm với các phân khu chức năng đa dạng, dịch vụ chất lượng cao, kết nối với hầu hết các quốc gia trên thế giới.

d) Cảng biển

- Đầu tư xây dựng mới cảng Liên Chiểu là cảng hàng hóa và các bến công vụ, sà lan; công suất đạt 50 triệu tấn/năm vào năm 2050, tiếp nhận tàu trọng tải từ 100.000 tấn trở lên, tàu công ten nơ có sức chở đến 8.000 TEU.

- Khu bến Tiên Sa: từng bước chuyển đổi công năng thành bến cảng du lịch quốc tế phù hợp tiến trình đầu tư, khai thác khu bến Liên Chiểu.

- Khu bến Thọ Quang: Tiếp tục giữ nguyên không phát triển Khu bến Thọ Quang, là khu bến tổng hợp, bến công vụ và các bến quốc phòng an ninh; cỡ tàu trọng tải đến 20.000 tấn.

đ) Đường thủy nội địa

- Luồng tuyến đường thủy nội địa và các bến thủy nội địa được tổng hợp tại Phụ lục VI. Tuyến sông Hàn - sông Vĩnh Điện sẽ chuyển thành luồng địa phương khi đủ tiêu chí theo định hướng quy hoạch đường thủy nội địa quốc gia.

- Phát triển các tuyến vận tải hành khách thủy nội địa kết nối cảng Tiên Sa và cảng sông Hàn; các tuyến vận tải hành khách từ cảng Tiên Sa đi vòng quanh bán đảo Sơn Trà, tuyến cảng Tiên Sa - khu du lịch Làng Vân - hòn Sơn Trà Con; tuyến cảng Tiên Sa - Cửa Đại - Cù Lao Chàm và các tuyến sông Cu Đê đi Hòa Bắc, Hòa Vang.

- Phát triển các tuyến vận tải hành khách đường biển phục vụ nhu cầu đi lại của người dân kết hợp phát triển du lịch như: tuyến Hạ Long - Đà Nẵng; Đà Nẵng - Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Huế - Thuận An - cảng Tiên Sa - cảng Sông Hàn, tuyến Đà Nẵng - Đảo Lý Sơn, tuyến Đà Nẵng - Cù Lao Chàm (Quảng Nam), tuyến Đà Nẵng - đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị); các tuyến vận tải hành khách đường biển quốc tế trực tiếp từ các nước: Mỹ, Canada, Úc, Ấn Độ, Châu Âu, Châu Á đến cảng biển Đà Nẵng.

e) Cảng cạn: định hướng phát triển cảng cạn kết hợp Trung tâm logistics Hòa Nhơn tại gần giao cắt giữa đường Hoàng Văn Thái và cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, khu vực Nam Hải Vân.

g) Kiểm định phương tiện: xây dựng mới, nâng cấp các trung tâm đăng kiểm và dây chuyền kiểm định hiện đại, khuyến khích xã hội hóa công tác kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ. Đến năm 2030, phát triển mới 04 đơn vị đăng kiểm với 08 dây chuyền kiểm định; giai đoạn 2030-2050 phát triển mới 08 đơn vị.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Nguồn cấp điện cho thành phố từ hệ thống truyền tải điện quốc gia thông qua lưới điện truyền tải 500kV, 220kV và lưới điện phân phối 110kV.

- Nguồn năng lượng tái tạo: Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời mái nhà, sinh khối, nguồn từ xử lý chất thải rắn, điện gió ngoài khơi... Đối với tiềm năng về năng lượng mặt trời mặt đất, năng lượng mặt trời mặt nước và điện khí sẽ nghiên cứu để phát triển theo nhu cầu phụ tải và điều kiện thực tế phù hợp.

- Phát triển lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng.

- Xây dựng các đường dây truyền tải điện có dự phòng phát triển lâu dài, sử dụng cột nhiều mạch, nhiều cấp điện áp đi chung trên hàng cột; hiện đại hoá và từng bước ngầm hoá lưới điện khu vực nội thành; từng bước nâng cấp, chuyển đổi các trạm biến áp phục vụ dân sinh theo hướng hiện đại, đảm bảo mỹ quan.

- Lưới điện 500 kV: Đến năm 2030, xây dựng đường dây 500 kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi, chiều dài toàn tuyến 2x500 km, đoạn đi qua thành phố Đà Nẵng dài khoảng 30,4 km. Xây dựng đường dây 500 kV Đà Nẵng - Dốc Sỏi mạch 2, chiều dài toàn tuyến 2x100 km, đoạn qua thành phố Đà Nẵng khoảng 6,8 km. Nâng công suất TBA 500 kV Đà Nẵng từ 2x450 MVA lên thành 2x900 MVA.

- Lưới điện 220 kV: Đến năm 2030, xây dựng mới 04 trạm và cải tạo 02 trạm biến áp 220 kV, tổng công suất 1.500 MVA. Đến năm 2050, định hướng cải tạo nâng công suất 03 trạm biến áp 220 kV, tổng công suất 750 MVA.

- Lưới điện 110 kV: Đến năm 2030, xây dựng mới 10 trạm và nâng cấp cải tạo 12 trạm biến áp 110 kV; đến năm 2050, định hướng xây dựng mới 09 trạm và nâng cấp cải tạo 11 trạm.

- Lưới điện trung áp phục vụ liên huyện: khi quy hoạch các khu dân cư mới cần bố trí quỹ đất để bố trí các trạm biến áp 22/0,4 kV ở khu vực trung tâm phụ tải, đảm bảo bán kính cấp điện không quá 400m ở khu vực nội thành và không quá 600 m ở khu vực nông thôn.

- Phương án cấp điện cho hệ thống LRT và MRT từ mạng lưới các trạm biến áp phân phối của từng khu vực mà các tuyến tàu điện, đường sắt đi qua, tùy theo nhu cầu cụ thể của từng đoạn tuyến và trạm điều hành/dừng trong hệ thống sẽ lắp đặt các trạm biến áp có công suất lắp đặt phù hợp.

- Khuyến khích đầu tư phát triển trạm sạc ô tô điện theo hướng xã hội hóa.

(Chi tiết theo Phụ lục VII)

3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông

- Xây dựng Công viên phần mềm Đà Nẵng, bao gồm cả Khu Công viên phần mềm số 2 trở thành khu công nghệ thông tin tập trung trọng điểm quốc gia.

- Phát triển mới 01 trạm cáp bờ cáp quang biển; mở rộng dung lượng truyền dẫn các tuyến cáp quang SMW3 và APG tại Trạm cáp bờ cáp quang biển Hoà Hải. Cập nhật các tuyến viễn thông trục quốc tế, quốc gia, liên thành phố đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn.

- Thu hút đầu tư 01 trung tâm dữ liệu quy mô khu vực, đưa Đà Nẵng trở thành IT-HUB của quốc gia và khu vực; 02 Trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia; phát triển Trung tâm dữ liệu hiện tại phục vụ chính quyền thành phố, các dịch vụ đô thị thông minh, chuyển đổi số; triển khai mới 02 Trung tâm dữ liệu và 01 Trung tâm tính toán hiệu năng cao. Phát triển trung tâm vùng mạng bưu chính KT1, vùng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước. Phát triển hạ tầng bưu chính Megahub, Hub cho tuyến trục thương mại điện tử và miền Trung.

- Phát triển hạ tầng mạng viễn thông hữu tuyến metronet nội thị sử dụng các công nghệ NGN, mạng viễn thông di động 5G và các thế hệ tiếp theo, mạng viễn thông vô tuyến dành cho thiết bị IOT, mạng viễn thông phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Đẩy mạnh sử dụng các công nghệ chuyển mạch trực hiện đại, phù hợp với sự phát triển quốc tế (công nghệ NGN và các công nghệ tiếp theo), bảo đảm băng thông truyền dẫn cho các dịch vụ viễn thông băng rộng.

- Ngầm hoá cáp viễn thông, phát triển hạ tầng viễn thông thụ động theo hướng sử dụng chung với hệ thống hạ tầng kỹ thuật điện, chiếu sáng, cấp thoát nước và được quy hoạch, lồng ghép vào quá trình triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giao

thông, các khu đô thị, khu dân cư mới... Bảo đảm hạ tầng truyền hình số mặt đất hoạt động hiệu quả; triển khai hệ thống truyền thanh, quảng bá trên nền tảng công nghệ số.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Thủy lợi

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa hiện có; sửa chữa các đập dâng, trạm bơm và hệ thống kênh tưới, tiêu thoát nước. Đầu tư củng cố, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai, nhất là hệ thống đê kè, cống, đập ngăn mặn và triều cường. Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

(Chi tiết theo Phụ lục VIII)

b) Cấp nước

- Công trình đầu mối: Duy trì/nâng công suất các nhà máy nước hiện trạng; quy hoạch mới nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ sông Vu Gia (nhánh sông An Trạch - Bàu Nít - Hà Thanh) hoặc sông Thu Bồn: xây dựng mới năm 2030, công suất cấp nước 120.000 m³/ngày.

- Đầu tư các công trình điều tiết nước cho các nhà máy nước cầu Đỏ, nhà máy nước Hòa Liên (như: đập Quảng Huế, đập Sông Nam - Sông Bắc,...)

(Chi tiết theo Phụ lục IX)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

a) Nước thải

- Lưu vực thoát nước: nước thải được thu gom về các trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị; nước thải của 12 phân khu được thu gom và xử lý theo các lưu vực. Nước thải công nghiệp, nước thải y tế được thu gom xử lý riêng cục bộ tại nguồn đạt quy chuẩn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Mạng lưới thoát nước thải: khu vực đô thị cũ sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng; khu vực các đô thị mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn; khu vực ven biển tách nước thải riêng hoàn toàn hoặc nâng cao khả năng thu gom nước thải để ngăn chặn nước thải xả ra biển.

- Trạm xử lý nước thải: Tổng công suất các trạm xử lý nước thải sinh hoạt năm 2030 đạt 515.000 m³/ngày. Trước mắt, nước thải phát sinh tại khu vực huyện Hòa Vang được thu gom và xử lý theo hình thức phân tán.

(Chi tiết theo Phụ lục IX).

b) Chất thải rắn

Tiếp tục đầu tư tiến tới hoàn thiện hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật môi trường đô thị (điểm tập kết rác, trạm trung chuyển rác, trạm phân loại rác, khu liên hợp xử lý rác...) với công nghệ tiên tiến. Theo đó:

- Đến năm 2030, hoàn thiện Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn với các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tổng công suất từ 1.800-2.000

tấn/ngày, đảm bảo xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; đầu tư các nhà máy xử lý: chất thải nguy hại, bùn thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp...; kêu gọi đầu tư nhà máy tái chế rác thải đô thị. Quy mô, công nghệ từng nhà máy do thành phố quyết định căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và phù hợp với pháp luật, quy định hiện hành.

- Sau năm 2030, tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp xử lý chất thải rắn phía Tây thành phố quy mô 200 ha bao gồm các công năng, hạng mục công trình đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn của thành phố và mục tiêu hướng đến nền kinh tế tuần hoàn; nghiên cứu đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt công suất 1.000 tấn/ngày ở giai đoạn phù hợp tùy thuộc vào lượng chất thải rắn phát sinh thực tế.

(Chi tiết theo Phụ lục X)

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy

- Đến năm 2030, xây dựng, nâng cấp, cải tạo 19 cơ quan, doanh trại Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại các xã, phường, đảm bảo mỗi quận, huyện có tối thiểu 01 vị trí trụ sở, doanh trại Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, chú trọng các khu vực trọng điểm: Cảng Liên Chiểu, Cảng Tiên Sa, Khu Công nghệ cao và khu vực Sông Hàn, Sông Cu Đê... Đến năm 2050, quy hoạch bổ sung 06 vị trí trụ sở, doanh trại Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo 15 bến bãi lấy nước, hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy và chữa cháy đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình và hệ thống thông tin liên lạc theo quy định của Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện, quy định của Bộ Công an và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

- Bảo tồn và phát huy các công trình tôn giáo, di tích lịch sử, lập danh mục các công trình kiến trúc có giá trị. Lập hồ sơ xếp hạng ít nhất 08 di tích cấp quốc gia và cao hơn; đề nghị công nhận bảo vật quốc gia cho 01-02 hiện vật.

- Đầu tư và kêu gọi đầu tư các dự án: Nhà hát lớn thành phố, Quảng trường trung tâm thành phố, các bảo tàng chuyên đề, các công viên biển dọc vịnh Đà Nẵng và Bờ Đông, công viên tại khu đất Đài phát sóng An Hải (quận Sơn Trà), Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Thư viện khoa học Tổng hợp cấp vùng, Thư viện Khoa học Tổng hợp Khu vực phía Tây Bắc, phía Nam, phía Đông Nam, Quảng trường Trung tâm khu vực Tây Bắc thành phố...

- Phân đấu 100% công trình thiết chế văn hóa cấp thành phố được đầu tư hoàn thiện; 50% Khu công nghiệp có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 100% Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện được đầu tư hoàn thiện, đạt tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 100% thư viện các quận, huyện được đầu tư đồng bộ, đạt chuẩn thư viện điện tử, có phòng đọc thiếu nhi, phòng đọc dành cho

người khiếm thị, có hệ thống tra cứu thông tin, kết nối internet; phân đầu 50% số đơn vị hành chính cấp quận, huyện có Nhà Văn hóa Thiếu nhi; 30% số đơn vị hành chính cấp quận, huyện có Nhà Văn hóa Lao động.

- Đầu tư, bổ sung các không gian mở, vườn dạo trong các khu dân cư nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho dân cư đô thị.

(Chi tiết theo Phụ lục XI)

2. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Đến năm 2030, trên địa bàn thành phố có 02 chợ bán buôn (Chợ đầu mối Hòa Phước, Chợ đầu mối thủy sản Thọ Quang) và Khu logistics, dịch vụ hỗ trợ chợ đầu mối và ngành bán buôn tại Hòa Phước. Quy hoạch sử dụng đất tại chợ đầu mối Hòa Cường sau khi được đầu tư thay thế đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng lại chợ Cồn; nâng cấp, cải tạo, mở rộng hoặc xây mới chợ Hàn, chợ Đống Đa, chợ Hòa Khánh, chợ Bắc Mỹ An và một số chợ khác trên địa bàn theo hướng duy trì chợ truyền thống văn minh, hiện đại.

- Đầu tư xây dựng Tổ hợp Thể thao, giải trí, thương mại Hòa Xuân (Sporthub), các trung tâm thương mại, siêu thị tại các quận, huyện, khu phi thuế quan, khu thương mại tự do và Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế hạng A (sau năm 2025). Vị trí nghiên cứu bố trí khu phi thuế quan nằm trên các tuyến giao thông liên khu vực kết nối khu logistics, cảng biển, sân bay như: tuyến Hoàng Văn Thái - Nguyễn Sinh Sắc - Nguyễn Tất Thành - Cảng Liên Chiểu; Hoàng Văn Thái - Nhà ga; Hoàng Văn Thái - Vành đai Tây 2 - Lê Đại Hành - Ga hàng không; tuyến phía Nam của vị trí 3 (28,3 ha) kết nối với trung tâm logistics trong Phân khu Đô thị Sườn đồi; tuyến LRT trên đường Hoàng Văn Thái.

(Chi tiết theo Phụ lục XII)

- Hình thành các cụm trung tâm logistics tập trung, trong đó có 01 trung tâm logistics cấp vùng và các cụm trung tâm logistics phụ trợ, cụ thể: (1) Trung tâm logistics Cảng Liên Chiểu (trung tâm logistics cấp vùng, hạng I); (2) Trung tâm logistics đường sắt; (3) Trung tâm logistics Khu công nghệ cao Đà Nẵng; (4) Trung tâm logistics Hòa Nhơn kết hợp cảng cạn; (5) Trung tâm logistics Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng. Đồng thời, phát triển các trung tâm logistics và các kho bãi khác tại các khu, cụm công nghiệp và trên các đường tránh của tuyến đường cao tốc (Trung tâm logistics Hòa Phước, Trung tâm logistics Hòa Phú, Trung tâm logistics Hòa Hiệp Bắc, v.v..).

- Hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt: Phát triển hệ thống kho xăng dầu, kho LPG, kho LNG quy mô cấp quốc gia theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Phát triển 2 kho xăng dầu quy mô cấp tỉnh (dưới 5.000 m³) tại khu vực quận Liên Chiểu và quận Sơn Trà và các trạm chiết nạp khí đốt quy mô nhỏ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Ngoài ra, xem xét theo nhu cầu thực tế, phát triển các

kho xăng dầu, khí đốt với quy mô phù hợp và phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan. Đầu tư xây dựng tuyến đường ống Liên Chiêu - Hòa Liên (Hòa Vang) và các hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp tới các khu công nghiệp để cung cấp khí cho các hộ tiêu thụ trong khu công nghiệp, đường ống dẫn khí từ kho LNG đến các nhà máy điện, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hộ tiêu thụ...

(Chi tiết theo Phụ lục XII)

3. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Ưu tiên nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật về khoa học công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án: Khu làm việc và đào tạo khởi nghiệp; nâng cấp, mở rộng Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ. Tiếp tục hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo, không gian làm việc chung, khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo quy định; hình thành các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khu làm việc và đào tạo khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp, các quỹ đầu tư tại phân khu Công nghệ cao và phân khu Đổi mới sáng tạo. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ cho các đơn vị sự nghiệp công lập, đáp ứng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của thành phố và mục tiêu liên kết phát triển vùng, liên vùng.

4. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới, phát triển quy mô giáo dục - đào tạo theo hướng đa dạng hóa loại hình, đảm bảo định mức cháu/nhóm, học sinh/lớp theo quy định, đảm bảo 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày. Mở rộng cơ hội tiếp cận với giáo dục trung học phổ thông có chất lượng; đến năm 2030, mỗi quận, huyện có 1 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho 3 trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp. Kêu gọi đầu tư thành lập các trường quốc tế, trường liên cấp quốc tế.

- Mở rộng các trường đại học, cao đẳng, trung tâm nghiên cứu đào tạo hiện có, tập trung ở phía Nam thành phố, đặc biệt là Làng Đại học Đà Nẵng để tạo thành Khu đô thị Đại học mới. Phát triển Đại học Đà Nẵng thành Đại học Quốc gia, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và nghiên cứu khoa học đa ngành, đa lĩnh vực ngang tầm khu vực. Các trường đại học công lập và tư thục chủ động hội nhập sâu, rộng vào nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

- Hình thành mới một số cơ sở đào tạo dạy nghề, viện, trung tâm nghiên cứu chuyên ngành tại phân khu Công nghệ cao. Đến năm 2030, xây dựng 7 trường cao đẳng đào tạo nghề chất lượng cao, trong đó có 4 trường cao đẳng có một số nghề đạt cấp độ khu vực và quốc tế.

5. Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế đảm bảo tính cân đối, đồng bộ, kết nối, hiệu quả, đảm bảo người dân được tiếp cận thuận lợi. Mỗi khu đô thị có ít nhất một phòng khám đa khoa (trung tâm y tế và trung tâm chăm sóc sức khỏe). củng cố, hoàn thiện

mạng lưới y tế cơ sở (xã, phường); bổ sung đầy đủ trang thiết bị y tế theo chuẩn, đảm bảo nhu cầu sơ cứu, cấp cứu ban đầu và khám, điều trị các bệnh thông thường.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp thành phố và quận, huyện. Huy động các nguồn lực để thành lập các bệnh viện, trung tâm chuyên khoa sâu ứng dụng kỹ thuật cao; hình thành bệnh viện quốc tế tại phân khu Đổi mới sáng tạo để liên kết với các trường đại học y dược trong khu vực. Đến năm 2030, hình thành 01 bệnh viện hạng đặc biệt, ít nhất 02 bệnh viện đạt tiêu chuẩn cấp vùng và 02 bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nghiên cứu hình thành Trung tâm thương mại, phân phối y dược phẩm.

- Từng bước hiện đại hoá trang thiết bị y tế phù hợp với nhu cầu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Đến năm 2030, trình độ kỹ thuật về trang thiết bị y tế của Đà Nẵng ngang tầm với các nước trong khu vực; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ kiến thức khoa học công nghệ để khai thác, sử dụng các trang thiết bị y tế.

6. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ an sinh xã hội bền vững, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; trong đó chú trọng đảm bảo về chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về trợ giúp xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội, về dịch vụ việc làm.

- Bố trí quỹ đất phù hợp đảm bảo tương ứng về quy mô tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng bệnh nhân tâm thần tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần; thu hút đầu tư xây dựng mới cơ sở cai nghiện số 2, các Viện dưỡng lão.

(Chi tiết Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo, y tế, an sinh xã hội tại Phụ lục XIII)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đến năm 2030

- Đất nông nghiệp: diện tích 66.373,00 ha, giảm 4.888,27 ha
- Đất phi nông nghiệp: diện tích 61.677,96 ha, tăng 5.872,06 ha
- Đất chưa sử dụng: diện tích 422,00 ha, giảm 983,79 ha

(Chi tiết theo Phụ lục XIV, Bảng 15.1)

2. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 theo khu chức năng

- Khu sản xuất nông nghiệp: diện tích 4.595,99 ha, giảm 2.390,82 ha.
- Khu lâm nghiệp: diện tích 23.916,47 ha, giảm 8.260,80 ha.
- Khu du lịch: diện tích 4.718,10 ha, tăng 3.627,93 ha.
- Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: diện tích 34.130,00 ha, chiếm 26,57% diện tích tự nhiên, tăng 3.681,09 ha.
- Khu phát triển công nghiệp: diện tích 2.412,00 ha, tăng 912,08 ha

- Khu đô thị: diện tích 20.899,00 ha, tăng 5.615,86 ha.
- Khu thương mại - dịch vụ: diện tích 1.223,09 ha, tăng 320,31 ha.
- Khu dân cư nông thôn: diện tích 6.078,31 ha, giảm 3.505,63 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục XIV, Bảng 15.1)

3. Phương án chuyển mục đích sử dụng đất đến năm 2030

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: Phương án phân bổ đất đai đến năm 2030, thành phố Đà Nẵng có 4.906,44 ha đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: đến năm 2030, thành phố Đà Nẵng có 222,55 ha đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở.

(Chi tiết theo Phụ lục XIV, Bảng 15.2)

4. Phương án đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đến năm 2030

Đến năm 2030, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 983,79 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục XIV, Bảng 15.3)

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN

1. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn và quy hoạch vùng huyện Hòa Vang

Quy hoạch vùng huyện Hòa Vang bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Hòa Vang với tổng diện tích tự nhiên khoảng 73.317 ha, quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 430.000 người, trong đó dân số thường trú khoảng 380.000 người. Phần đầu xây dựng huyện Hòa Vang đạt tiêu chí đô thị loại IV, đủ điều kiện trở thành Thị xã trực thuộc thành phố Đà Nẵng trong thời gian sớm nhất, trung tâm hành chính thị xã Hòa Vang dự kiến đặt tại xã Hòa Phong.

- Phân vùng không gian gồm 02 tiểu vùng dân cư nông thôn và một tiểu vùng sinh thái:

+ Tiểu vùng Đông Bắc gắn với tiểu vùng dân cư phía Bắc Hòa Vang, gồm 4 xã: Hòa Bắc, Hòa Liên, Hòa Ninh, Hòa Sơn. Khu vực phát triển trọng tâm nằm tại phía Đông khu công nghệ cao và dưới chân núi Bà Nà, trung tâm tiểu vùng tại khu vực xã Hòa Liên gắn với tổ hợp đô thị - công nghiệp công nghệ cao.

+ Tiểu vùng Đông Nam gắn với tiểu vùng dân cư phía Nam Hòa Vang, gồm 7 xã: Hòa Nhơn, Hòa Phú, Hòa Khương, Hòa Phong, Hòa Tiến, Hòa Châu, Hòa Phước. Trung tâm tiểu vùng đồng thời là huyện lỵ huyện Hòa Vang đặt tại xã Hòa Phong.

+ Tiểu vùng sinh thái phía Tây: khu vực rừng, núi và đồi phía Tây thuộc các xã: Hoà Bắc, Hoà Liên, Hoà Ninh, Hoà Phú, Hoà Khương.

- Tổ chức lại không gian, cơ cấu chức năng các khu vực đang trong quá trình đô thị hóa tiệm cận theo các tiêu chuẩn khu đô thị gắn với gìn giữ bản sắc kiến trúc truyền thống. Tạo lập các khu vực dự trữ phát triển cho các giai đoạn sau năm 2030,

sau năm 2045. Khu vực nông thôn tập trung tại huyện Hòa Vang, bao gồm khu dân cư nông thôn, các làng nghề truyền thống được cải tạo, chỉnh trang, các khu nhà vườn gắn kết với các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái, cộng đồng, bảo tồn thiên nhiên, các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp hiện có.

- Bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học, địa hình, không gian xanh tự nhiên, phát triển hệ thống công viên, cây xanh, mặt nước nhằm tạo lập hình ảnh đặc trưng của thành phố.

- Phân vùng chức năng gồm 04 vùng:

+ Vùng công nghiệp công nghệ cao: định hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin tập trung, công nghiệp hỗ trợ thông qua việc khai thác lợi thế các khu công nghiệp, khu công nghệ thông tin, khu công nghệ cao có sẵn và hình thành các khu công nghiệp mới, mở rộng Khu công nghệ cao Đà Nẵng; hình thành các trọng điểm, đầu mối giao thương về công nghiệp, logistics cho toàn vùng.

+ Vùng phát triển dân cư: hình thành cụm dân cư tập trung với hệ thống hạ tầng cơ sở đồng bộ tại các tiểu vùng Đông Bắc, Đông Nam, đáp ứng nhu cầu ở của lực lượng lao động trong vùng.

+ Vùng du lịch sinh thái: phát triển mô hình du lịch sinh thái gắn với nghỉ dưỡng và cộng đồng với trọng điểm là khu vực Tây Nam (xã Hòa Ninh, Hòa Phú và Hòa Khương) và khu vực Tây Bắc (xã Hòa Bắc).

+ Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: khai thác vùng sản xuất phía Nam thuộc các xã Hòa Phú, Hòa Khương, Hòa Phong, Hòa Nhơn phát triển mô hình nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao kết hợp với loại hình du lịch nông nghiệp.

2. Quy hoạch vùng huyện Hoàng Sa

Định hướng phát triển huyện đảo Hoàng Sa kết hợp đẩy mạnh khai thác tiềm năng phát triển kinh tế biển gắn với tạo lập và xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh trên biển vững chắc và rộng khắp; bảo đảm an ninh, an toàn hàng hải trên biển; kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam bằng phương pháp hòa bình, trên cơ sở pháp lý và bằng chứng lịch sử, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, trong đó có Tuyên bố về ứng xử của các Bên trên biển Đông (DOC) và Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt cho thành phố Đà Nẵng; các khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi

Chúa, Sơn Trà, khu bảo vệ cảnh quan Nam Hải Vân; huyện Hoàng Sa.

- Vùng hạn chế phát thải: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt (nếu có); vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng bảo vệ khác: các khu vực còn lại trên địa bàn thành phố.

b) Phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Khu vực đa dạng sinh học cao, bao gồm: hệ sinh thái rừng tự nhiên, hệ sinh thái ven biển, quy hoạch bảo vệ và phát triển đất ngập nước nội địa.

- Các vùng đất ngập nước quan trọng gồm: Hồ Đồng Nghệ, Hồ Hòa Trung, Hồ Trước Đông, Hồ Hóc Khế.

- Các khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa, khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, khu bảo vệ cảnh quan Nam Hải Vân.

c) Phương án phát triển bền vững rừng

Tổng diện tích đất lâm nghiệp được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 là 60.881 ha, trong đó: diện tích rừng đặc dụng là 34.130 ha; diện tích rừng phòng hộ là 11.778 ha và diện tích rừng sản xuất là 14.973 ha.

Tổng diện tích quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2030 là 56.763,2 ha, phân bổ trên 04 quận, huyện Hòa Vang, Sơn Trà, Liên Chiểu và Cẩm Lệ, trong đó: diện tích rừng đặc dụng là 34.130 ha; diện tích rừng phòng hộ là 11.778 ha và diện tích rừng sản xuất là 10.855,2 ha.

d) Phương án phát triển các khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng

Khai thác, cải tạo, nâng cấp các nghĩa trang hiện có theo hướng sử dụng đất tiết kiệm, văn minh, hiện đại. Có phương án di dời các khu nghĩa trang nằm xen kẽ trong khu dân cư về các khu nghĩa trang tập trung theo quy hoạch. Hình thành các cơ sở hỏa táng mới để đáp ứng nhu cầu táng trong tương lai. Bố trí nhà tang lễ bảo đảm phân bố phù hợp trên địa bàn các quận, huyện.

(Chi tiết theo Phụ lục X)

2. Phương án quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản

- Đá xây dựng: quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng đá xây dựng tại 14 khu vực, tổng diện tích 452,3 ha, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo quy hoạch là 87.324.500 m³.

- Đất san lấp: quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng đất san lấp tại 16 khu vực, tổng diện tích 872,04 ha, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo quy hoạch là 87.240.000 m³ phân bố trên địa bàn huyện Hòa Vang.

(Chi tiết theo Phụ lục XV)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Trong mọi trường hợp, ưu tiên đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt.

- Trong điều kiện bình thường, thực hiện phân phối đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các ngành theo nhu cầu đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước. Thứ tự ưu tiên: (1) Cấp nước sinh hoạt; (2) Cấp nước nông nghiệp; (3) Cấp nước công nghiệp; (4) Cấp nước môi trường; (5) Giao thông thủy.

- Trong trường hợp hạn hán thiếu nước, hạn chế phân phối nguồn nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước, chưa cấp thiết để ưu tiên cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Nguồn nước chính phân bổ cho các nhu cầu dùng nước sinh hoạt của thành phố Đà Nẵng là nguồn nước mặt sông Vu Gia - Thu Bồn (sông liên tỉnh) và lưu vực sông Cu Đê (sông nội tỉnh), trong đó:

+ Phân bổ nguồn nước sông Vu Gia (nhánh sông Yên) tại đập An Trạch và tại Cầu Đỏ để duy trì công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ, Nhà máy nước Sân Bay từ 320.000 m³/ngày đêm lên 420.000 m³/ngày đêm giai đoạn 2030-2050.

+ Nghiên cứu phân bổ nguồn nước tại Sông Vu Gia (nhánh sông tại An Trạch - Bàu Nít - Hà Thanh) hoặc sông Thu Bồn (dự kiến tại Giao Thủy) để xây dựng nhà máy nước mới với công suất 120.000 m³/ngày đêm vào năm 2030 và đến 240.000 m³/ngày đêm vào năm 2050.

+ Phân bổ nguồn nước sông Cu Đê tại Nam Mỹ và Hồ Sông Bắc (đầu tư xây dựng mới Hồ Sông Bắc với dung tích 50 triệu m³) để đáp ứng công suất khai thác của nhà máy nước Hòa Liên từ 120.000 m³/ngày đêm lên 240.000 m³/ngày đêm vào năm 2030 và đạt 400.000 m³/ngày đêm vào năm 2050.

+ Phân bổ nguồn nước Hồ Hòa Trung từ 10.000 m³/ngày lên 20.000 m³/ngày đêm giai đoạn 2025-2030 và dùng khai thác vào năm 2050.

+ Phân bổ nguồn nước tại Suối Đá, Suối Tình để duy trì công suất khai thác của Nhà máy nước Sơn Trà I, II đến năm 2030 là 7.000 m³/ngày đêm và dùng khai thác hoàn toàn vào giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050.

+ Phân bổ nguồn nước Suối Lương để duy trì công suất Nhà máy nước Hải Vân đến năm 2030 là 5.000 m³/ngày đêm và dùng khai thác hoàn toàn vào giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050.

- Nước dự phòng, dự trữ cấp cho nhu cầu dùng nước được khai thác tại các hồ: Hòa Trung, Đồng Nghệ và Sông Bắc (sau khi xây dựng) và nước dưới đất.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn

- Vùng bị ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh: toàn bộ vùng

đất liền và trên biển, khu vực nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng là quận Liên Chiểu, huyện Hòa Vang.

- Vùng bị ảnh hưởng của lũ, lũ quét, ngập lụt: các khu vực ven sông Yên, Túy Loan, Quá Giáng, Vĩnh Điện, Cu Đê...

- Vùng bị ảnh hưởng sạt lở đất, đá: huyện Hòa Vang (các xã miền núi và trung du: Hòa Phú, Hòa Bắc, Hòa Sơn, Hòa Ninh, Hòa Nhơn và Hòa Liên); quận Liên Chiểu (phường Hòa Hiệp Bắc); quận Sơn Trà (phường Thọ Quang); quận Cẩm Lệ (phường Hòa Thọ Tây).

- Vùng bị ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, xâm thực biển: bờ biển các quận Liên Chiểu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn với chiều dài khoảng 30km.

- Vùng bị ảnh hưởng sạt lở ven sông: các xã, phường dọc theo các sông Yên, sông Cu Đê, sông Túy Loan, sông Quá Giáng, sông Cầu Đỏ - Cẩm Lệ, sông Vĩnh Điện.

- Phạm vi ảnh hưởng của sóng thần: các quận ven biển Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê, Liên Chiểu; Biển Đông và huyện đảo Hoàng Sa.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Củng cố, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống kè sông, kè biển (dọc vịnh Đà Nẵng, kè biển khu đô thị Đa Phước, kè Nam Ô) đảm bảo chịu được mức bão trên cấp 12, tần suất $P=1\%$, đồng thời có tính đến hiện tượng nước biển dâng do biến đổi khí hậu toàn cầu. Tăng cường tu bổ hệ thống đê, kè chống lũ đảm bảo tiêu chuẩn chống lũ cho các sông.

X. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, xác định các dự án lớn có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết theo Phụ lục XVI)

XI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút đầu tư

- Giai đoạn 2021-2030 dự kiến cần huy động khoảng 800 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư phát triển (theo giá hiện hành), đạt khoảng 40% GRDP, trong đó vốn đầu tư khu vực kinh tế Nhà nước chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư (giai đoạn 2021-2025 khoảng 25-30% và giai đoạn 2026-2030 khoảng 20-25%); vốn đầu tư khu vực kinh tế ngoài Nhà nước cần huy động ở mức cao, dự kiến khoảng 60-65% tổng vốn đầu tư; thu hút vốn FDI khoảng 10-15% tổng vốn đầu tư.

- Tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để đẩy mạnh thực hiện các công trình, dự án động lực, trọng điểm mang tính động lực, đảm bảo tính đồng bộ, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong nước và quốc tế; tăng cường áp dụng các hình thức PPP trong đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Tiếp tục tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính và quy hoạch, đất đai theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án. Tập trung nghiên cứu cơ chế huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; ban hành các cơ chế chính sách đặc thù mới để tạo động lực xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị.

- Rà soát quỹ đất để có phương án quy hoạch, kêu gọi đầu tư phù hợp; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh khơi thông nguồn lực; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ đất đai.

- Tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, trọng điểm phù hợp với định hướng phát triển thành phố và các ngành mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến, quản trị hiện đại... Mở rộng kết nối thị trường trong nước và ngoài nước; tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần nâng cao năng suất lao động, trình độ công nghệ của nền kinh tế, năng lực cạnh tranh của thành phố, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng Cách mạng công nghệ lần thứ tư.

2. Về phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai có hiệu quả Đề án thu hút nguồn nhân lực khu vực công và đề án phát triển nguồn nhân lực khu vực tư để thu hút lao động chất lượng cao cho các ngành kinh tế mũi nhọn.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực thông qua kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, bổ sung cơ sở vật chất để thực hành đầy đủ và chuyên sâu, xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với thực tế, sử dụng những chuyên gia của doanh nghiệp hướng dẫn thực hành có kỹ năng tay nghề cao...

- Tiếp tục thực hiện các chính sách về dạy nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn; dạy nghề cho lao động thuộc hộ di dời, giải tỏa mất đất sản xuất; các chính sách về tài chính như: đầu tư không hoàn lại, cho vay lãi suất ưu đãi... đối với các mô hình sản xuất, kinh doanh mới, có hiệu quả và tạo nhiều việc làm.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực; triển khai thực hiện Đề án Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực và thông tin thị trường lao động; thu thập chính xác, đầy đủ thông tin dữ liệu cung - cầu lao động từ các doanh nghiệp, hiệp hội, các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động.

- Tổ chức hiệu quả các sàn giao dịch việc làm định kỳ; tăng số lượng các phiên giao dịch việc làm di động ở các địa phương, các trường đại học, trường nghề để kết nối người học với các doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, tư vấn nghề nghiệp, kỹ năng phỏng vấn, chọn lựa công việc...

- Giải quyết tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp, kết hợp việc giải quyết thất nghiệp và tư vấn giới thiệu việc làm, dạy nghề. Nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động.

3. Về bảo vệ môi trường, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Về bảo vệ môi trường

- Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường; thúc đẩy thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm môi trường trong khu vực đô thị, các khu dân cư. Tăng cường bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Đầu tư mới hoặc chuyển đổi công nghệ của các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt sang công nghệ xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng, ưu tiên áp dụng công nghệ có hiệu quả tối ưu về tiêu chí chất lượng môi trường, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, khuyến khích, phát triển sử dụng năng lượng mới đem lại hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường, tăng cường kiểm tra, thanh tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường, tập trung vào các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và có giải pháp nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp dân cư, khách đến du lịch và công tác tại thành phố nhằm xây dựng môi trường sống xanh sạch đẹp, an ninh, an toàn, văn minh cho người dân và du khách, góp phần phát triển du lịch xanh, bền vững.

b) Về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Triển khai có hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Đẩy mạnh hiệu quả hỗ trợ nâng cao năng lực và sức cạnh tranh cho doanh nghiệp thông qua đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ. Phát triển về số lượng và chất lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục xây dựng cơ chế chính sách nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong hệ sinh thái.

c) Về chuyển đổi số

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố và Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, gắn liền với triển khai Đề án xây dựng thành phố thông minh giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030; Kế

hoạch phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện quản lý quy hoạch đô thị thông minh dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị số hóa, các công cụ phân tích dữ liệu, dự báo. Quản lý, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, Kiến trúc Thành phố thông minh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và yêu cầu phát triển Chính phủ số, Thành phố thông minh.

4. Về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Tập trung triển khai liên kết vùng và hợp tác quốc tế đối với một số lĩnh vực được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố như: du lịch, công nghệ thông tin, logistics...

- Thực hiện tốt các hoạt động liên kết giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; phối hợp xây dựng chiến lược phát triển kinh tế với mục tiêu xác định các ưu tiên trọng điểm cho mỗi địa phương gắn với lợi thế cạnh tranh của toàn vùng về khai thác, sử dụng hệ thống cảng biển, các sản phẩm công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; dịch vụ logistics, liên kết phát triển du lịch...

- Tăng cường hợp tác phát triển trong lĩnh vực đầu tư, logistics, thương mại, du lịch... thông qua các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây kết nối giữa Đà Nẵng, các địa phương trên tuyến tại Việt Nam với các tỉnh Nam Trung Lào, Đông Bắc Thái Lan, Myanmar.

- Cải tiến và tạo môi trường thông thoáng để thu hút các nguồn đầu tư và viện trợ nước ngoài thông qua tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các tổ chức quốc tế, các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài, các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

- Tích cực tham gia xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, du lịch và các hoạt động văn hóa đối ngoại của địa phương. Tăng cường phối hợp với Bộ Ngoại giao, Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Ban Điều phối viện trợ nhân dân (PACCOM) và các bộ, ngành Trung ương có liên quan trong việc giới thiệu, điều phối các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ về địa phương để tăng nguồn lực cho đầu tư phát triển.

5. Về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Nâng cao chất lượng quản lý quy hoạch xây dựng và trật tự xây dựng, tập trung quản lý quy hoạch, kiến trúc đi vào chiều sâu, hướng tới xây dựng các đô thị xanh, thành phố thông minh; tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình và thủ tục hành chính về quản lý quy hoạch kiến trúc.

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn lực quỹ đất, bảo vệ, sử dụng đất tiết kiệm, chuyển đổi hợp lý đất đai, đem lại hiệu quả kinh tế cao, gắn lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường, đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố một cách ổn định và bền vững.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

6. Về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Kịp thời tổ chức công bố công khai quy hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch, thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời phát hiện các vướng mắc để điều chỉnh cho phù hợp, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

- Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt và nhu cầu của thị trường nhằm phát huy, khai thác có hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của từng vùng và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, kết nối định hướng phát triển ngành, lãnh thổ và liên kết vùng; đồng thời đảm bảo thống nhất và liên kết giữa các quy hoạch.

- Xúc tiến đầu tư theo trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên triển khai các dự án động lực, đem lại hiệu quả kinh tế cao, có khả năng thu hồi vốn nhanh, có sức lan tỏa tới các dự án khác.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch ở các cấp, các ngành; kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các quy hoạch. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường giám sát thực hiện quy hoạch, kịp thời phát hiện, phản ánh với cơ quan có thẩm quyền các hành vi sai trái, ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch để xử lý theo quy định.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành nhằm tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch một cách hiệu lực, hiệu quả.

XII. BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục bản đồ Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XVII.

Điều 2.

1. Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ, cơ sở để triển khai lập các quy hoạch đô thị, nông thôn và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án trên địa bàn phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan; đồng

thời, người chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư phù hợp với tiến độ, tình hình thực tế và phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật có liên quan.

Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch thành phố được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

Điều 3.

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

a) Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để thống nhất với Quyết định phê duyệt quy hoạch; cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.

b) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; lập Kế hoạch 5 năm, hằng năm, các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để triển khai thực hiện Quy hoạch; tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển và theo quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

đ) Thực hiện các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường khi triển khai các dự án thực hiện Quy hoạch, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững; tổ chức quan trắc, giám sát, quản lý môi trường; lưu giữ cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ quá trình chuyển đổi số trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

e) Thực hiện rà soát nội dung Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác; (ii) phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này; bảo đảm tính đồng bộ, không chồng lấn, xung đột giữa các nội dung của các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định pháp luật có liên quan; (iii) nội dung tiếp thu, giải trình, bảo lưu ý kiến của các bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình tham gia ý kiến, thẩm định và rà soát hồ sơ quy hoạch; (iv) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023.

Điều 4. Các bộ, cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong quá trình thực hiện Quy hoạch; trường hợp cần thiết, phối hợp với thành phố nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Thành ủy Đà Nẵng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHĐP (3).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà